



VAI TRÒ CỦA TẦNG LỚP THANH NIÊN TRÍ THỨC TRONG PHONG TRÀO YÊU NƯỚC Ở VIỆT NAM (Từ sau Chiến tranh thế giới thứ I đến năm 1929)

*Nguyễn Thanh Tiến**

Khoa Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 18-7-2017; ngày nhận bài sửa: 28-7-2017; ngày duyệt đăng: 30-11-2017

TÓM TẮT

Trong phong trào yêu nước ở Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ I đến trước khi thành lập Đảng, các tầng lớp tiểu tư sản thành thị và thanh niên trí thức đã có vai trò nổi bật. Các tầng lớp xã hội này, đặc biệt là thanh niên trí thức đã đi đầu trong cuộc phát động phong trào dân tộc dân chủ, thành lập các tổ chức cách mạng và góp phần quan trọng trong quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam.

Từ khóa: tiểu tư sản, thanh niên trí thức, phong trào yêu nước sau Thế chiến thứ I.

ABSTRACT

*The role of the intellectual youth in the patriotic movement in Vietnam
(from post World War I to 1929)*

In the patriotic movement in Vietnam from post World War I to before the founding of the Party, the urban petits bourgeois and intellectual youth played an essential role. These social classes, especially the intellectual youth, were the pioneers for the nationalist democratic movement, establishing revolutionary organizations, contributing significantly to the introduction of Marxism and Leninism into Vietnam.

Keywords: Petit bourgeois, intellectual youth, post-World War I patriotic movement.

1. Dẫn nhập

Cuối thế kỉ XIX, cùng với sự thất bại của phong trào Cần Vương, ngọn cờ yêu nước theo đường lối phong kiến cũng chấm dứt vai trò lịch sử của nó. Công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc lâm vào bế tắc. Chính vào lúc ấy, tư tưởng dân chủ tư sản của phương Tây từ bên ngoài truyền vào đã mở ra hướng đi mới cho phong trào yêu nước. Kể từ lúc này, công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc bắt đầu kết hợp với việc đấu tranh đòi dân chủ, dân quyền. Từ đầu thế kỉ XX cho đến Thế chiến thứ I (1914-1918), trong điều kiện chưa có giai tầng xã hội mới nào đủ sức lãnh đạo phong trào dân tộc, một số sĩ phu phong kiến (các sĩ phu cấp tiến) đã đứng lên đảm đương sứ mệnh tiếp thu tư tưởng dân chủ tư sản và lãnh đạo phong trào

* Email: tiennt@hcmup.edu.vn

yêu nước theo hướng đi mới này. Sau Thế chiến thứ I, khi tầng lớp sĩ phu cấp tiến kết thúc vai trò lịch sử của mình, đã có một tầng lớp xã hội mới tiếp nối các sĩ phu đảm đương sứ mệnh dẫn dắt phong trào dân tộc dân chủ. Trong cơ cấu xã hội Việt Nam lúc bấy giờ, tầng lớp nào đã đứng lên nhận lãnh sứ mệnh vinh quang nhưng đầy khó khăn và thử thách này? Đây là vấn đề đã được các nhà nghiên cứu lịch sử nói đến lâu nay, song cũng còn vài khía cạnh cần được bàn thảo thêm. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi muốn góp thêm vài ý kiến về vai trò của tầng lớp thanh niên trí thức đối với phong trào dân tộc dân chủ Việt Nam từ sau Thế chiến thứ I đến khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập.

2. Vài nét về vai trò của các giai cấp xã hội trong phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ sau Thế chiến thứ I đến trước khi thành lập Đảng

Xét về cơ cấu xã hội, sau Chiến tranh thế giới lần thứ I, các giai cấp và tầng lớp trong xã hội Việt Nam bao gồm: địa chủ, nông dân, công nhân, tư sản và các tầng lớp tiểu tư sản, trí thức. Trong số này, địa chủ và nông dân là những giai cấp cũ, công nhân, tư sản, tiểu tư sản thành thị và trí thức tân học là những giai cấp, tầng lớp mới xuất hiện do tác động của cuộc khai thác thuộc địa. Mỗi giai cấp, tầng lớp tùy vào địa vị kinh tế - xã hội cũng như khả năng nhận thức của mình mà có thái độ khác nhau đối với phong trào yêu nước.

Trước hết là giai cấp địa chủ, một giai cấp cũ trong cơ cấu xã hội Việt Nam cổ truyền. Giai cấp này gồm ba tầng lớp là tiểu, trung và đại địa chủ. Trong đó, địa vị kinh tế và chính trị của tầng lớp đại địa chủ có sự gắn bó chặt chẽ với chính quyền thực dân. Vì vậy, vai trò của tầng lớp này trong phong trào yêu nước khá mờ nhạt. Đối với trung và tiểu địa chủ, quyền lợi của họ trong chế độ thực dân không phải là lớn. Cho nên, họ vẫn có khuynh hướng chống chính quyền thực dân. Tuy nhiên, do hạn chế về tư tưởng cũng như đặc tính của tầng lớp tư hữu, họ không có khả năng tập hợp và lãnh đạo quần chúng đấu tranh giành độc lập cho dân tộc. Trong tác phẩm *Đường Cách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc chỉ xem họ là “bầu bạn cách mệnh của công nông” mà thôi.

Đối lập với giai cấp địa chủ là giai cấp nông dân, giai cấp đông đảo nhất trong xã hội Việt Nam. Nông dân Việt Nam bị thực dân và phong kiến bóc lột thậm tệ về mặt kinh tế và không có quyền lợi gì về mặt chính trị. Họ bị xô đẩy vào tình cảnh hết sức khốn cùng. Do đó, tinh thần phản kháng, chống áp bức dân tộc và áp bức giai cấp ở những người nông dân rất cao. Tuy nhiên, nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu và điều kiện sống quá khổ cực đã hạn chế rất nhiều khả năng nhận thức của giai cấp nông dân. Vì vậy, giai cấp này không thể đứng ra tiếp thu những tư tưởng tiến bộ và giữ vai trò lãnh đạo cách mạng. Nông dân chỉ có thể đóng vai trò là động lực chủ yếu của cách mạng mà thôi. Trong thời kì cách mạng Việt Nam chưa có Đảng Cộng sản lãnh đạo, giai cấp nông dân chưa thể phát huy khả năng to lớn của mình trong phong trào chống thực dân và phong kiến.

Một giai cấp khác có tình cảnh khổ cực không kém gì những người nông dân, đó là giai cấp công nhân. Giai cấp này ra đời cùng với cuộc khai thác thuộc địa lần 1 của Pháp (1897 - 1914). Khi Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần 2, số vốn đầu tư vào các ngành kinh tế tăng lên gấp nhiều lần. Vì thế, giai cấp công nhân cũng gia tăng về số lượng. Tuy nhiên, do ra đời trong xã hội thuộc địa, đại bộ phận xuất thân từ nông dân, lại bị chính quyền thực dân kìm hãm, cho nên giai cấp công nhân Việt Nam chậm phát triển về chất lượng. "Tính chất vô sản hiện đại của họ cũng bị hạn chế bởi việc chủ tư bản sử dụng quá rộng rãi hình thức lao động thủ công trong các ngành sản xuất, kinh doanh" (Nguyễn Văn Khánh, 1995, tr.25). Dưới ách cai trị nặng nề của chế độ thực dân, giai cấp công nhân Việt Nam đã sớm có ý thức đấu tranh chống áp bức. Thế nhưng cho đến giữa thập niên 20 của thế kỉ XX, các cuộc đấu tranh của công nhân Việt Nam vẫn còn mang tính tự phát, chưa có sự dẫn dắt của một đường lối chính trị đúng đắn. Phải đến khi chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá vào Việt Nam và Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, giai cấp công nhân mới có sự chuyển biến về chất và phát huy được vai trò lịch sử của mình trong phong trào dân tộc và dân chủ.

Cũng là sản phẩm của cuộc khai thác thuộc địa, nhưng khác với giai cấp công nhân, giai cấp tư sản ra đời muộn hơn. Trước Chiến tranh thế giới lần thứ I, tư sản Việt Nam còn là một tầng lớp nhỏ bé, kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực thương nghiệp. Từ sau Thế chiến thứ I, tư sản Việt Nam mới thực sự trở thành một giai cấp. Do mang những đặc điểm của giai cấp tư sản ở thuộc địa nên thái độ chính trị của tư sản Việt Nam không vững vàng và dễ thay đổi. Sự phụ thuộc khá nặng vào chế độ thực dân về kinh tế và chính trị đã khiến cho giai cấp tư sản ở trong tình trạng: "một mặt họ có mâu thuẫn với tư bản Pháp, một mặt họ lại không chống đối quyết liệt thực dân Pháp, họ còn muốn yêu cầu thực dân Pháp ban cho một số quyền lợi. Những hoạt động chính trị và kinh tế của họ không phải với mục đích vạch trần chế độ thống trị của đế quốc Pháp ở thuộc địa Việt Nam, hay đấu tranh để xoá bỏ áp bức bóc lột đó, mà tựu trung hoạt động của họ nhằm mục đích trước hết đòi thực dân Pháp nới rộng thêm quyền lợi về kinh tế và chính trị cho họ. Mọi cuộc đấu tranh của họ đều mang tính chất không triệt để." (Nguyễn Công Bình, 1959, tr.204). Thái độ chính trị như thế đã hạn chế rất nhiều vai trò của giai cấp tư sản trong phong trào giải phóng dân tộc. Họ đã không thể đảm đương vai trò lãnh đạo mọi tầng lớp nhân dân thực hiện cuộc đấu tranh đánh đổ thực dân và phong kiến.

Ngoài các giai cấp nói trên, các tầng lớp trung gian như tiểu tư sản thành thị (thợ thủ công, tiểu thương, tiểu chủ), trí thức, viên chức, sinh viên - học sinh... cũng là một thành phần quan trọng trong xã hội Việt Nam thời thuộc địa. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ I, trong bối cảnh cơ cấu xã hội Việt Nam tiếp tục có sự biến đổi và phân hóa sâu sắc, các tầng lớp này đã tăng lên nhanh chóng về mặt số lượng. Với sự phát triển như vậy, họ đã có

những đóng góp như thế nào đối với phong trào yêu nước ở Việt Nam sau Thế chiến thứ I? Các tác giả sách Đại cương lịch sử Việt Nam – tập 2, đánh giá: “Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc sau chiến tranh, vai trò chủ yếu thuộc về tầng lớp tiểu tư sản chứ không phải tư-sản...” (Đình Xuân Lâm chủ biên, 1999, tr.234). Chúng tôi tán thành một phần cách đánh giá này. Tuy nhiên, theo chúng tôi, tiểu tư sản chủ yếu đóng vai trò hưởng ứng và tham gia, còn vai trò dẫn dắt/ lãnh đạo phong trào lại chủ yếu thuộc về tầng lớp trí thức tân học¹ - nhất là các thanh niên trí thức.

3. Vai trò nổi bật của tầng lớp thanh niên trí thức trong phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ sau Thế chiến thứ I đến trước khi thành lập Đảng

Xét về mặt khái niệm, việc xác định trí thức có thuộc tầng lớp tiểu tư sản hay không dường như không có sự thống nhất. Các tác giả sách *Thuật ngữ, khái niệm lịch sử phổ thông* định nghĩa *tiểu tư sản* là “giai cấp những người sản xuất nhỏ, có tư liệu sản xuất, những người lao động trí óc nói chung không bóc lột lao động làm thuê, bao gồm những viên chức nhỏ, các tiểu thương, tiểu chủ, trí thức, học sinh”. (Nhiều tác giả, 1996, tr.162) Theo định nghĩa này thì trí thức là một bộ phận thuộc giai cấp tiểu tư sản. Tác giả Nguyễn Văn Khánh cũng có quan niệm tương tự khi viết “giới trí thức và học sinh ở các trường là bộ phận quan trọng của tầng lớp tiểu tư sản...” (Nguyễn Văn Khánh, 1995, tr.26). *Đại Từ điển Tiếng Việt* định nghĩa tiểu tư sản là “tầng lớp những người sản xuất nhỏ có một ít tư liệu sản xuất riêng, không bóc lột người khác” và định nghĩa trí thức là “người chuyên làm việc, lao động trí óc” (Nguyễn Như Ý chủ biên, 1998, tr.1644, 1705). Như vậy, các tác giả của *Đại Từ điển tiếng Việt* không xếp trí thức vào tầng lớp tiểu tư sản. Theo *Từ điển Chủ nghĩa cộng sản khoa học*, tiểu tư sản thuộc tầng lớp trung gian trong xã hội tư bản (tức là tầng lớp đứng giữa giai cấp bóc lột và giai cấp bị bóc lột-NTT). Đây là tầng lớp mà xét về các mặt kinh tế, xã hội, chính trị và tư tưởng, họ “không phải là thể thống nhất. Đó là tổng hợp những nhóm khác biệt nhau, trong đó mỗi nhóm giữ một địa vị đặc thù trong cơ cấu giai cấp của xã hội...” (A. M. Ru-mi-an-txép chủ biên, 1986, tr.303). Trong các nhóm trung gian này, tiểu tư sản là những người “giống như bọn tư bản, họ có sở hữu tư nhân; nhưng giống như công nhân, họ lại thuộc vào hàng ngũ những người lao động, sống chủ yếu bằng lao động của bản thân, chứ không phải bằng bóc lột. Đây là những người lao động-tư hữu.” (A. M. Ru-mi-an-txép chủ biên, 1986, tr.303). Đáng chú ý là các tác giả của Từ điển này xem trí thức cũng là một tầng lớp trung gian, nhưng không thuộc thành phần tiểu tư sản. “Khác với bọn tư bản, với những người tiểu tư sản, trí thức và viên chức lại không phải là những người tư hữu”; “họ không có quan hệ riêng, đặc biệt đối với tư liệu sản xuất. Đồng

¹Trí thức tân học là tầng lớp trí thức Việt Nam được đào tạo từ nền giáo dục Pháp hoặc nền giáo dục Pháp-Việt thời thuộc địa, phân biệt với tầng lớp sĩ phu trưởng thành từ nền giáo dục phong kiến (Nho học).

thời, vốn gắn bó mật thiết với các giai cấp đang tồn tại trong xã hội và phục vụ nhu cầu của các giai cấp đó, trí thức có một vai trò chính trị-xã hội to lớn”. (A. M. Ru-mi-an-txép chủ biên, 1986, tr.303; 360). Nguyễn Văn Kiệm trong một bài viết cũng đã bày tỏ quan điểm không nên xếp trí thức vào thành phần tiểu tư sản. (Nguyễn Văn Kiệm, 2003, tr.491)

Những nhà sáng lập và lãnh đạo phong trào cách mạng vô sản của nước ta, trong một số văn kiện của Đảng, cũng không có sự phân định rạch ròi khi nói về tiểu tư sản và trí thức. Như trong các văn kiện thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng tháng 02/1930, tiểu tư sản và trí thức được đặt cạnh nhau như là hai nhóm xã hội riêng biệt. *Sách lược vắn tắt của Đảng* viết “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh Niên, Tân Việt v.v. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp.” (Văn kiện Đảng, tập 2, 1998, tr.4). Trong *Chương trình vắn tắt của Đảng* cũng viết: “Đảng lôi kéo tiểu tư sản, trí thức và trung nông về phía giai cấp vô sản” (Văn kiện Đảng, tập 2, 1998, tr.6). Tuy nhiên, trong một số văn kiện khác, các nhà lãnh đạo của Đảng lại sử dụng khái niệm “tiểu tư sản trí thức”. Trong *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương* (tháng 10/1930), trí thức được liệt vào thành phần tiểu tư sản. (Văn kiện Đảng, tập 2, 1998, tr.96)

Tuy có sự không thống nhất về mặt khái niệm như vậy, song có thể khẳng định tiểu tư sản và trí thức đều thuộc tầng lớp trung gian trong xã hội có đối kháng giai cấp. Song, họ lại khác biệt với nhau trong vấn đề quan hệ với tư liệu sản xuất, trong phân công lao động xã hội. Đặc biệt, so với các tầng lớp trung gian khác, trí thức có vai trò quan trọng và nổi bật trên phương diện chính trị - xã hội. Theo Chu Hào: “Ngay từ khi từ ‘tầng lớp trí thức’ (intelligentsia) xuất hiện lần đầu tiên ở Nga vào nửa đầu thế kỉ XIX, và sau đó là từ ‘người trí thức’ (intellectuel) xuất hiện ở Pháp sau công xã Paris (1871), đã mang một ý nghĩa khá rõ ràng: đó là những người không chỉ có học vấn hay trình độ chuyên môn cao, mà hơn hết phải là những người quan tâm và có chính kiến trước những vấn đề chính trị - xã hội nóng bỏng của thời cuộc” (Chu Hào, 2010). Quan niệm này tiệm cận với quan điểm của các tác giả *Từ điển Chủ nghĩa Cộng sản khoa học* đã đề cập bên trên, đó là khẳng định “vai trò chính trị xã hội to lớn” của trí thức. Đây cũng là đặc điểm nổi bật của tầng lớp trí thức Việt Nam cận đại. Vì vậy, chúng tôi tán thành quan điểm xếp trí thức thành một tầng lớp riêng, không thuộc tầng lớp tiểu tư sản.

Trở lại bối cảnh xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ I, có thể nói các tầng lớp tiểu tư sản thành thị và tầng lớp trí thức ngày càng đông đảo. Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc sau Thế chiến thứ I, các tầng lớp tiểu tư sản thành thị đã tích cực tham gia. Tuy nhiên, tầng lớp giữ vai trò dẫn dắt/ lãnh đạo trong phong trào dân tộc thì lại thuộc về lớp thanh niên trí thức (hay “trí thức tiểu tư sản” như cách gọi lâu nay). Đó là vì, trong các tầng lớp trung gian, trí thức có vai trò quan trọng, nổi bật trên phương diện chính trị - xã hội. Họ là bộ phận ưu tú nhất, tích cực nhất trong tầng lớp trung gian. Trong phong trào giải

phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, trí thức là lực lượng tiên phong tranh đấu cho quyền lợi của quần chúng nhân dân. Chính như *Đề cương về phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa của Đại hội VI Quốc tế cộng sản* (1928) mặc dù đánh giá không cao lập trường giai cấp của trí thức tiểu tư sản, song cũng thừa nhận rằng “trong giai đoạn đầu của phong trào dân tộc, trí thức tiểu tư sản thường thường là những người bên vực tích cực nhất cho nguyện vọng dân tộc.” (Đi-a-cốp, Xơ-kin, 1960, tr.68). Các tác giả của *Từ điển Chủ nghĩa cộng sản khoa học* cũng nhận định: “Nơi nào giai cấp vô sản còn yếu và chưa giành được vai trò chủ đạo trong đời sống xã hội, thì ở đó bộ phận trí thức này thường đóng vai trò lực lượng lãnh đạo quá trình phát triển tiến bộ xã hội, họ thể hiện lợi ích của nông dân, tiểu tư sản thành thị và những người lao động khác.” (A. M. Ru-mi-an-txép chủ biên, 1986, tr.361). Ở Việt Nam, thời thuộc địa, trí thức là tầng lớp rất nhạy bén trước những biến động của thời cuộc và có khả năng tiếp thu những tư tưởng cách mạng để phục vụ cho công cuộc cứu nước. Buttinger nhận xét: “Quy mô của tầng lớp trí thức và nỗi bất mãn sâu sắc của họ dẫn đến hậu quả chính trị sâu rộng cho sự phát triển phong trào quốc gia trong và sau thập kỉ 20.” (Dẫn theo *Lịch sử Việt Nam* tập VIII, 2007, tr.362). Cho nên, có thể nói, vai trò chủ yếu trong phong trào dân tộc dân chủ sau Chiến tranh thế giới thứ I ở Việt Nam trước hết phải thuộc về tầng lớp trí thức, nhất là các thanh niên trí thức. Họ giữ vai trò là những người đi đầu, phát động và dẫn dắt phong trào cách mạng. Còn các tầng lớp trung gian khác thuộc tầng lớp tiểu tư sản thành thị chủ yếu đóng vai trò là lực lượng tham gia và hưởng ứng. Ngoài ra, một bộ phận công nhân và dân nghèo thành thị, nông dân, thậm chí là tư sản và địa chủ cũng tham gia vào phong trào yêu nước do thanh niên trí thức phát động. Phong trào yêu nước từ những năm sau Chiến tranh thế giới thứ I đến khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời phản ánh rất rõ tình hình này. Tựu trung lại, có thể nói, vai trò của thanh niên trí thức trong phong trào dân tộc, dân chủ chủ yếu thể hiện trên các phương diện sau:

(i) Tham gia ủng hộ các phong trào đòi một số quyền lợi về kinh tế và quyền tự do dân chủ trong khuôn khổ chế độ thuộc địa của giai cấp tư sản Việt Nam.

Sau Chiến tranh thế giới thứ I, tư sản Việt Nam đã có sự phát triển nhất định về lượng và chất. Sự phát triển đó thể hiện trên hai phương diện: thế lực kinh tế của tư sản Việt Nam gia tăng và ý thức giai cấp được hình thành. Để bảo vệ quyền lợi giai cấp của mình, tư sản Việt Nam đã phát động các phong trào đấu tranh nhằm chống lại sự chèn ép của tư bản Hoa kiều và tư bản Pháp như phong trào “tẩy chay tư sản Hoa kiều” (tẩy chay khách trú), “chống độc quyền cảng Sài Gòn”. Đồng thời, tư sản Việt Nam cũng đưa ra một số yêu cầu về quyền lợi chính trị với chính quyền thực dân, thành lập một tổ chức mang màu sắc chính trị với tên gọi là Đảng Lập hiến. Các hoạt động của giai cấp tư sản Việt Nam tuy chỉ hướng đến đòi hỏi một số quyền tự do dân chủ trong khuôn khổ chế độ thuộc địa, song trong chừng mực nhất định, nó cũng phù hợp với nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân. Vì vậy, hoạt động của

giai cấp tư sản đã ít nhiều gây được tiếng vang, thu hút được sự tham gia của thanh niên trí thức và đông đảo quần chúng nhân dân ở các đô thị. Điển hình là các thanh niên trí thức cùng với quần chúng ở Sài Gòn đã ủng hộ cuộc vận động đòi tự do dân chủ của Đảng Lập hiến do Bùi Quang Chiêu đứng đầu. Tháng 3/1926, Đảng Thanh niên (một tổ chức do những thanh niên trí thức như Trần Huy Liệu, Bùi Công Trừng, Nguyễn Trọng Hy... thành lập ở Sài Gòn) đã tổ chức cuộc đón tiếp Bùi Quang Chiêu từ Pháp về², “rồi phát động thành một cuộc biểu dương lực lượng của quần chúng nhân dân đòi quyền tự do dân chủ, chữa mũi nhọn vào bọn thực dân phản động nhất lúc bấy giờ...” (Đinh Xuân Lâm chủ biên, 1999, tr.259). Điều đáng nói là trong phong trào đấu tranh này, nếu như vai trò của giai cấp tư sản ngày càng mờ nhạt và đi đến chỗ thoái lui, thỏa hiệp với thực dân thì vai trò của thanh niên trí thức lại ngày càng nổi bật. Khi Đảng Lập hiến và Bùi Quang Chiêu tỏ thái độ ngả theo chủ trương Pháp-Việt đề huề, thanh niên trí thức đã phản đối và tiếp tục phát động quần chúng đấu tranh.

(ii) Tích cực tiến hành các hoạt động đấu tranh đòi các quyền tự do dân chủ trong những năm 1923-1926. Các hoạt động này đã trở thành một phong trào sôi nổi, “bắt đầu dấy lên từ năm 1923, rồi phát triển lên tới đỉnh cao vào những năm 1925-1926” (Đinh Xuân Lâm chủ biên, 1999, tr.256). Trong thời gian này, ngoài việc ủng hộ cuộc vận động đòi một số quyền tự do dân chủ của tư sản, thanh niên trí thức còn có những hoạt động đấu tranh với các hình thức như viết báo, lập các cơ sở xuất bản sách báo tiến bộ, phát động quần chúng thành thị xuống đường biểu tình... Mặc dù công khai và ôn hòa, song thanh niên trí thức đã bộc lộ một thái độ đấu tranh quyết liệt hơn so với tư sản. Trong phong trào đấu tranh này, trước tiên phải kể đến hoạt động của Nguyễn An Ninh. Thông qua tờ báo Chuông rề (La Cloche felée) xuất bản ở Sài Gòn, ông đã phê phán trực diện chế độ thực dân phong kiến và chủ trương Pháp-Việt đề huề của tư sản Việt Nam, truyền bá tư tưởng tiến bộ và tinh thần yêu nước. Trần Văn Giàu cho rằng “ở trong nước chưa có báo nào và người nào công khai công kích thực dân mạnh mẽ như La Cloche felée và Nguyễn An Ninh.” (Trần Văn Giàu, 1993, tr.467). Hoạt động của Nguyễn An Ninh khiến chính quyền thực dân lo ngại đến mức ra lệnh bắt giam ông vào ngày 24/3/1926, đúng vào ngày mất của chí sĩ yêu nước Phan Châu Trinh.

Ngoài hoạt động của Nguyễn An Ninh, thanh niên trí thức còn có những hoạt động sôi nổi trong những năm 1925-1926 như phát động phong trào đòi thả Phan Bội Châu, phản đối chính quyền thực dân đuổi người Trung, Bắc ra khỏi Nam Kỳ, tổ chức cuộc “đón rước” Bùi Quang Chiêu, tổ chức lễ tang Phan Châu Trinh và đòi chính quyền thực dân thả Nguyễn An Ninh... Những hoạt động sôi nổi, dồn dập này đã làm cho cuộc đấu tranh đòi những quyền tự do dân chủ phát triển thành cao trào, thu hút đông đảo quần chúng đô thị tham gia. Tài liệu

² Bùi Quang Chiêu sang Pháp vận động chính phủ Pháp ban hành một số quyền tự do dân chủ cho Đông Dương. Tháng 3/1926, Bùi Quang Chiêu về đến Sài Gòn và được đông đảo quần chúng (do Đảng Thanh niên đứng ra tổ chức) tiếp đón.

của Sở Mật thám Đông Dương thừa nhận: “Một tư trào chính trị linh hoạt thấm vào công chúng, những truyền đơn đã được tung ra, những cuộc biểu tình diễn xuất, những cuộc tập hội và diễn thuyết được tổ chức” (Nguyễn Ngọc Cư, 1971, tr.145). Tác giả Quốc Anh nhận xét: “Cao trào 1925-1926 đã huy động hầu khắp quần chúng ở thành thị vào những sinh hoạt chính trị mà nổi bật lên trên hết là đám quần chúng trí thức tiểu tư sản hăng hái và giàu lòng yêu nước” (Quốc Anh, 1975, tr.28-29).

(iii) Tiếp nối hoạt động yêu nước của các sĩ phu cấp tiến đầu thế kỉ XX, đứng ra thành lập các tổ chức yêu nước và cách mạng để lãnh đạo phong trào dân tộc.

Từ năm 1923 trở đi, các tổ chức yêu nước như Tâm Tâm xã, Đảng Thanh niên, Tân Việt cách mạng đảng, Việt Nam Quốc dân đảng lần lượt ra đời. Sự thành lập và quá trình hoạt động của các tổ chức yêu nước này gắn liền với tên tuổi của các thanh niên trí thức tiêu biểu như Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn, Phạm Hồng Thái (Tâm tâm xã), Trần Huy Liệu, Bùi Công Trừng, Nguyễn Trọng Hy (Đảng Thanh niên), Tôn Quang Phiệt, Trần Mộng Bạch, Phan Kiêm Huy, Ngô Đức Diễn (Tân Việt cách mạng đảng), Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nhượng Tống, Phó Đức Chính (Việt Nam Quốc dân đảng)... Tuy chưa hoàn thiện về cách thức tổ chức, về đường lối chính trị... song các đoàn thể yêu nước do thanh niên trí thức thành lập này đều hướng đến mục tiêu giải phóng dân tộc. Ý thức dân tộc của họ biểu hiện rất đậm nét qua tôn chỉ, điều lệ và khẩu hiệu đấu tranh. Tôn chỉ của Tâm Tâm xã (còn có tên gọi là Tân Việt Thanh niên đoàn) nêu rõ: “liên hiệp những người có trí lực trong toàn dân Việt Nam, không phân biệt ranh giới đảng phái; miễn là có quyết tâm hi sinh tất cả tư ý và quyền lợi cá nhân, đem hết sức mình tiến hành mọi việc để khôi phục quyền làm người của người Việt Nam.” (Trung Chính, 1970, tr.6) Việt Nam Quốc dân đảng thì chủ trương:

“Đuổi giặc Pháp về nước Pháp

Đem nước Nam trả người Nam

Cho trăm họ khỏi lầm than

Được thêm phần hạnh phúc” (Quốc Anh, 1975, tr.31)

Với mục tiêu như vậy, những người sáng lập các tổ chức trên đã tiến hành nhiều hoạt động như phát động quần chúng biểu tình, gây dựng cơ sở ở các địa phương, kết nạp và rèn luyện đảng viên, giác ngộ quần chúng và thậm chí tổ chức bạo động. Như Tâm Tâm xã đã tổ chức ám sát Toàn quyền Đông Dương Merlin ở tô giới Sa Diện của Pháp tại Quảng Châu (Trung Quốc), Việt Nam Quốc dân đảng phát động khởi nghĩa tại một số địa phương ở Bắc Kỳ... Những hoạt động đó tuy không thành công, nhưng nó thực sự tạo nên một làn sóng yêu nước mạnh mẽ, gây chấn động chính quyền thực dân. Đồng thời, đó cũng là biểu

Song, Bùi Quang Chiêu đã làm cho quần chúng thất vọng khi bày tỏ lập trường ủng hộ chủ trương “Pháp-Việt đề huề”.

hiện hết sức sinh động sự nỗ lực của thanh niên trí thức trong việc vươn lên nắm giữ ngọn cờ lãnh đạo phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam. Các tác giả của *Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam* (tập IV) đã nhận định rất xác đáng: “Từ khoảng năm 1923, 24 trở đi trong những cuộc đấu tranh và yêu sách, một số đông thanh niên hoặc lãnh đạo, hoặc tham gia đã đóng vai trò chủ yếu. Họ tìm đường, mở đường, cố nhiên là họ còn non kém, thiếu kinh nghiệm, không có đường lối chính trị rõ rệt. Nhưng họ vẫn là người hăng hái nhất của thời đại” (Nhiều tác giả, 1958, tập IV, tr.115).

(iv) Tham gia và góp phần quan trọng trong quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị những điều kiện cho sự thành lập Đảng.

Khi nói đến quá trình tiếp thu, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, trước tiên phải kể đến vai trò của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên (Hội VNCMTN). Đây là một tổ chức do nhà cách mạng cộng sản Nguyễn Ái Quốc sáng lập và dẫn dắt. Từ năm 1925 đến 1929, Hội VNCMTN đã mở lớp đào tạo cán bộ cách mạng, xuất bản báo Thanh Niên và sách *Đường Cách Mệnh* để truyền bá tư tưởng cộng sản. Bên cạnh đó, Hội cũng tích cực phát triển hệ thống tổ chức trong và ngoài nước. Nhiều cán bộ của Hội được đưa vào hoạt động trong công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị để tuyên truyền vận động và gây dựng cơ sở. Hoạt động của Hội VNCMTN đã thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc chuyển dần theo xu hướng vô sản. Đồng thời, đó còn là sự chuẩn bị tích cực về tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản. Điều đáng nói là đa số hội viên của Hội VNCMTN thuộc tầng lớp trí thức. Theo *Thư của những người cộng sản Đông Dương* (gửi Quốc tế Cộng sản năm 1929), trong tổ chức cách mạng này, “90% là trí thức tiểu tư sản, chỉ có 10% là công nông” (Văn kiện Đảng, tập 1, tr.372). Với số lượng đông đảo như vậy, có thể nói, những hội viên thuộc thành phần trí thức có vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động của Hội VNCMTN. Điều đó cũng có nghĩa là trong quá trình phong trào yêu nước Việt Nam chuyển biến theo hướng cách mạng vô sản, trí thức có đóng góp rất đáng ghi nhận.

Cùng với Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, Tân Việt cách mạng Đảng cũng có vai trò đáng ghi nhận trong việc tiếp thu và truyền bá tư tưởng cách mạng vô sản vào Việt Nam. Nhiều thanh niên trí thức vốn là đảng viên Tân Việt, sau đó gia nhập Hội VNCMTN và trở thành những chiến sĩ cộng sản lỗi lạc. Có thể kể ra đây các tên tuổi như Trần Phú, Hà Huy Tập; Lê Mao, Lê Viết Thuật, Phan Đăng Lưu, Nguyễn Thị Minh Khai, Tôn Quang Phiệt, Nguyễn Sĩ Sách... (Tham khảo: Đinh Trần Dương, 2006, tr.304; 315-345). Trong số này, có hai người về sau trở thành Tổng Bí thư của Đảng Cộng sản Việt Nam là Trần Phú và Hà Huy Tập. Một bộ phận đảng viên Tân Việt cũng chuyển hóa trở thành một tổ chức Cộng sản, đó là Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

4. Kết luận

Nhìn chung, trong phong trào yêu nước từ sau Thế chiến thứ I đến năm 1929, tầng lớp thanh niên trí thức tân học đã thể hiện một vai trò nổi bật. Trước thực trạng giai cấp tư sản yếu đuối và giai cấp công nhân còn đang trong thời kì chuyển biến về chất, những người thanh niên trí thức đã làm tất cả những gì có thể làm được. Họ đã góp phần to lớn vào việc duy trì sức sống của phong trào yêu nước trước khi Đảng ra đời và nắm quyền lãnh đạo cách mạng nước ta. Họ đã vươn lên thay thế giai cấp tư sản - vốn non yếu và ít nhiều gắn bó với chế độ thực dân - nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo phong trào dân tộc dân chủ. Vì vậy, có thể nói rằng tầng lớp thanh niên trí thức chính là những người đã tiếp nối các sĩ phu tiền bối trong phong trào yêu nước. Bên cạnh đó, một bộ phận thanh niên trí thức đã tham gia tích cực vào quá trình tiếp thu và truyền bá tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam. Cho nên, có thể nói thanh niên trí thức cũng là những người có đóng góp đáng ghi nhận trong quá trình đưa phong trào dân tộc Việt Nam đi theo con đường cách mạng vô sản.

❖ *Tuyên bố về quyền lợi: Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Quốc Anh. (1975). Mối quan hệ giữa các khuynh hướng chính trị tiểu tư sản với phong trào công nhân trong phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trước 1930. *Nghiên cứu Lịch sử*, số 160, tr.28-48.
- Nguyễn Công Bình. (1959). *Tìm hiểu giai cấp tư sản Việt Nam dưới thời Pháp thuộc*. Hà Nội.
- Trung Chính. (1970). Tâm tâm xã là gì? *Nghiên cứu lịch sử*, số 134, tr.6-9.
- Nguyễn Ngọc Cư dịch. (1971). Tân Việt cách mạng đảng 1925-1930 (Tài liệu của Sở mật thám Đông Dương), *Tập san Sử địa*, số 22, tr.138-176.
- Đinh Trần Dương. (2006). *Tân Việt cách mạng Đảng trong cuộc vận động thành lập Đảng cộng sản Việt Nam*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (1998). *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 1*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (1998). *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 2*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- Trần Văn Giàu. (1993). *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỉ XIX đến Cách mạng tháng Tám. Tập II: Ý thức hệ tư sản và sự thất bại của nó trước các nhiệm vụ lịch sử*. TPHCM: NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chu Hào. (2010). Thử tìm hiểu tầng lớp trí thức Việt Nam. http://www.chungta.com/nd/tu-lieu-tra-cuu/thu_tim_hieu_tang_lop_tri_thuc_viet_nam.html. Truy cập ngày 08/11/2017.
- Nguyễn Văn Khánh. (1995). Quá trình chuyển biến của cơ cấu xã hội Việt Nam từ giữa thế kỉ XIX đến Cách mạng tháng Tám 1945. *Nghiên cứu lịch sử*, số 4(281), tr.14- 29.

- Nguyễn Văn Kiệm. (2003). *Góp phần tìm hiểu một số vấn đề lịch sử cận đại Việt Nam*. Hà Nội: NXB Văn hóa thông tin.
- Đinh Xuân Lâm (chủ biên). (1999). *Đại cương lịch sử Việt Nam, tập 2*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Nhiều tác giả. (1958). *Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam tập IV*. Hà Nội: NXB Văn sử địa.
- Nhiều tác giả. (1996). *Thuật ngữ khái niệm lịch sử phổ thông*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia.
- Viện Khoa học xã hội Việt Nam - Viện sử học. (2007). *Lịch sử Việt Nam tập VIII 1919-1930*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Nguyễn Như Ý (chủ biên). (1998). *Đại từ điển tiếng Việt*. Hà Nội: NXB Văn hóa thông tin.
- A. M. Ru-mi-an-txép (chủ biên). (1986). *Từ điển Chủ nghĩa cộng sản khoa học*. Mát-xcơ-va: NXB Tiến bộ; Hà Nội: NXB Sự thật.
- Đi-a-cốp, Xơ-kin. (1960). *Quốc tế cộng sản với vấn đề dân tộc và thuộc địa*. Hà Nội: NXB Sự thật.